

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày 27 – 4 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh;
2. Bà Hoàng Thị Phụng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên
tòa:* Không.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2023/TLST- KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Địa chỉ: Số 89, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh – Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (Văn bản quyền số 25/2020/UQ – HĐQT ngày 07/07/2020).

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Huy Khoái và ông Phan Văn Nghĩa - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 2, VPBank chi nhánh Trần Phú, số 93, đường Trần Phú, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Văn bản ủy quyền số 12/2021 ngày 30/12/2021 của ông Phạm Tuấn Anh).

3. Bị đơn: Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu T.

Địa chỉ: Số 02, đường B, phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1982 – Giám đốc.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn Đông Tiến, xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

4.2. Bà Phan Thị D, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn Đông Tiến, xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Bà Dân ủy quyền cho ông Trần Văn Đ tham gia tố tụng.

(Tại phiên tòa có mặt ông Khoái, ông Đàn, vắng mặt bà Dân).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2021 chuyển dịch vụ bưu chính đến Tòa án ngày 05/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trình bày và có yêu cầu như sau:

Ngày 20/3/2020, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Thái Bình (sau đây viết tắt là Ngân hàng VPBank) đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: TBI/20044 cho Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát (sau đây viết tắt là Công ty Tâm Minh Phát) vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh gạch ốp lát. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng (ngày 20/3/2020). Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần bên vay nhận nợ vốn vay. Phương thức cho vay theo hạn mức.

Trên cơ sở Hợp đồng cho vay hạn mức đã ký kết, Ngân hàng VPBank đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty T. Hiện nay Công ty T còn các khế ước sau đã chuyển nợ quá hạn và chưa thanh toán cho VPBank:

- Khế ước nhận nợ số 180920-6162743-01-SME ngày 18/9/2020: Số tiền nhận nợ: 133.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 18/9/2020 đến ngày 18/3/2021. Lãi suất cho vay trong hạn: 21%/năm. Lãi suất được cố định trong suốt thời hạn cho vay theo khế ước nhận nợ này. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Đến thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 25/3/2021, nợ gốc còn lại: 121.602.805 đồng. Đến ngày xét xử, nợ gốc còn lại là 20.223.326 đồng, nợ lãi là 19.738276 đồng, trong đó nợ trong hạn là 2.208.923 đồng, nợ lãi quá hạn là 17.529.353 đồng, số ngày quá hạn 771 ngày.

- Khế ước nhận nợ số: 011020-6162743-01-SME ngày 01/10/2020: Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 01/10/2020 đến ngày 20/3/2021. Lãi suất cho vay trong hạn: 21%/năm. Lãi suất được cố định trong suốt thời hạn cho vay theo khế ước nhận nợ này. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Đến thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 20/3/2021, nợ gốc còn lại: 200.000.000 đồng. Đến ngày xét xử, nợ gốc còn lại là 170.000.000 đồng, nợ lãi

còn lại là 127.986.081 đồng, trong đó nợ trong hạn là 3.553.890, lãi quá hạn là 124.432.191 đồng, số ngày quá hạn là 769 ngày.

- Khế ước nhận nợ số 021020-554736-01 SME ngày 02/10/2020: Số tiền nhận nợ: 257.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 02/10/2020 đến ngày 20/3/2021. Lãi suất cho vay trong hạn: 21%/năm. Lãi suất được cố định trong suốt thời hạn cho vay theo khế ước nhận nợ này. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Đến thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 20/3/2021, nợ gốc còn lại: 257.000.000 đồng. Đến ngày xét xử sơ thẩm, nợ gốc còn lại là 257.000.000 đồng, nợ lãi còn lại là 171.282.451 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 4.566.902 đồng, lãi quá hạn là 166.715.549 đồng, số ngày quá hạn là 769 ngày.

- Khế ước nhận nợ số 22021-6162743-SME ngày 22/01/2021: Số tiền nhận nợ: 160.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 18/9/2020 đến ngày 18/3/2021. Lãi suất cho vay trong hạn: 20,4%/năm. Mức lãi suất này chỉ cố định trong 01 tháng và sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần. Tại thời điểm điều chỉnh, cộng (+) biên độ 14%/năm, tuy nhiên trong suốt quá trình vay lãi suất không có lần điều chỉnh nào. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Đến thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 15/4/2021, nợ gốc còn lại: 160.000.000 đồng. Ngày 31/3/2022 bị đơn trả hết nợ gốc, đến thời điểm xét xử chỉ còn nợ lãi chưa trả là 49.040.885 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 5.097.050 đồng, nợ quá hạn là 43.943.835 đồng, số ngày quá hạn 743 ngày.

Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên, ông Trần Văn Đ đã ký với Ngân hàng VPBank Hợp đồng bảo lãnh số TBI/20046 ngày 20/3/2020 và bà Phan Thị D đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TBI/20045 ngày 20/3/2020; theo đó, ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty T việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty T với VPBank phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: TBI/20044 ngày 20/3/2020 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty T và VPBank Thái Bình bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng VPBank theo từng khế ước nhận nợ. Do đó, Ngân hàng VPBank đã chuyển toàn bộ khoản vay của Công ty T sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày xét xử 27/4/2023, Công ty T còn nợ Ngân hàng VPBank số tiền như sau:

- Nợ gốc: 447.223.326 đồng;

- Nợ lãi: 368.047.693 đồng, trong đó lãi trong hạn là 15.426.765 đồng, lãi quá hạn là 352.620.928 đồng

Tổng là 815.271.019 đồng (Tám trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười chín đồng).

Ngoài ra Công ty T còn phải chịu khoản phạt chậm trả lãi theo từng khế ước nhận nợ tạm tính đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 23/3/2023 là 61.410.214 đồng. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa Ngân hàng VPBank đã rút yêu cầu buộc Công ty T phải trả khoản tiền này và không buộc phải trả tiền phạt chậm lãi trả kể từ ngày tiếp theo cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

VPBank đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và đôn đốc trả nợ đối với Công ty T tuy nhiên đến nay Công ty T vẫn chưa trả được nợ cho Ngân hàng VPBank. Do đó Ngân hàng VPBank đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát phải thanh toán cho Ngân hàng VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/4/2023, số tiền là: Nợ gốc: 447.223.326 đồng; Nợ lãi: 368.047.693 đồng, (trong đó lãi trong hạn là 15.426.765 đồng, lãi quá hạn là 352.620.928 đồng). Tổng là 815.271.019 đồng (Tám trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười chín đồng).

2. Buộc Công ty T phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ đã ký cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank, Ngân hàng VPBank rút yêu cầu thanh toán tiền phạt chậm trả lãi.

3. Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng VPBank, đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng mà Công ty T đã ký như nội dung Hợp đồng bảo lãnh mà ông Đoàn bà Dân đã ký.

4. Trong trường hợp Công ty T, ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty T, ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D để thu hồi khoản nợ vay.

Nếu bị đơn có thiện chí trả nợ, Ngân hàng VPBank sẽ cơ cấu thời gian trả nợ cho bị đơn trong vòng 01 năm đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi theo lộ trình từng tháng. Nếu bị đơn chấp nhận phương án trả nợ nguyên đơn đưa ra thì phải thực hiện đầy đủ và đúng hạn, nếu bị đơn vi phạm bất cứ kỳ hạn trả nợ nào thì nguyên đơn sẽ yêu cầu bị đơn trả nợ toàn bộ khoản vay. Trường hợp bị đơn không chấp nhận phương án trả nợ nguyên đơn đưa ra, đề nghị Tòa án giải quyết như yêu cầu khởi kiện mà người đại diện của nguyên đơn đã trình bày ở trên.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Văn Đ trình bày:

Ông xác nhận Công ty T có vay tiền của Ngân hàng VPBank để phục vụ mục đích kinh doanh, số tiền còn nợ lại theo các khế ước nhận nợ như nguyên đơn đã trình bày nhưng vì công ty làm ăn thua lỗ, hiện không có doanh thu nên chưa trả được nợ cho ngân hàng.

Về số nợ gốc còn lại và nợ lãi mà nguyên đơn yêu cầu, ông xác nhận là đúng tuy nhiên ông chỉ đồng ý trả nợ gốc, còn nợ lãi ông đề nghị ngân hàng miễn cho Công ty T vì công ty làm ăn thua lỗ, gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ (Công ty hiện chưa làm thủ tục phá sản). Ông không đồng ý với phương án trả nợ mà Ngân hàng VPBank đưa ra do thời gian trả nợ trong 01 năm là ngắn và Công ty ông không có khả năng trả khoản tiền nợ lãi.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng VPBank trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank, đề nghị Tòa án buộc người bảo lãnh là ông và vợ là Phan Thị D có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng mà Công ty T đã ký, ông nhất trí, không có ý kiến gì về việc bảo lãnh trả nợ gốc, còn về nợ lãi ông không đồng ý, đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản tiền lãi cho Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Đ trình bày: Ngày 20/3/2020 ông và vợ là bà Phan Thị D có ký 02 hợp đồng bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng Cổ phần thương mại Việt Nam Thịnh Vượng để bảo lãnh cho Hợp đồng cho vay hạn mức số: TBI/20044 giữa Ngân hàng VPBank và Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát. Ông không có ý kiến gì về việc VPBank yêu cầu Tòa án buộc ông là Trần Văn Đ và vợ là Phan Thị D có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng mà Công ty T đã ký trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank. Đối với các khoản nợ lãi, các khoản phát sinh liên quan ông đề nghị VPBank miễn cho Công ty T.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng VPBank giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Đ chỉ chấp nhận trả nợ gốc không chấp nhận trả lãi và chỉ chấp nhận việc bảo lãnh trả nợ gốc. Bà Dân vắng mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến phát biểu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng VPBank và Công ty T đều là các bên có đăng ký kinh doanh, Hợp đồng cho vay hạn mức số: TBI/20044 ký ngày 20/3/2020 là hợp đồng tín dụng phát sinh nhằm mục đích sinh lợi của cả hai bên nên căn cứ Điều 3 Luật Thương mại, là tranh chấp kinh doanh thương mại do vậy áp dụng Bộ Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết. Bị đơn có trụ sở tại thành phố Thái Bình, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị D vắng mặt lần thứ 2, ủy quyền cho chồng là ông Trần Văn Đ tham gia tố tụng, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử vắng mặt một người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Trong vụ án này toàn bộ chứng cứ do các bên đương sự giao nộp, đối tượng tranh chấp không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không bắt buộc phải tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay hạn mức số: TBI/20044 ngày 20/3/2020, giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát thấy: Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của các bên có thẩm quyền, người đại diện các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tự nguyện khi ký kết hợp đồng, là đúng quy định. Nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật các Tổ chức tín dụng, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có việc giao kết hợp đồng nêu trên nên Hợp đồng cho vay theo hạn mức số hạn mức số: TBI/20044 ngày 20/3/2020 là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về Hợp đồng bảo lãnh: Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của bên bảo lãnh là ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng VPBank và bên được bảo lãnh là Công ty T. Thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh ông Đ và bà D có đủ năng lực hành vi dân sự, hành vi pháp luật dân sự, người đại diện của Ngân hàng VPBank có thẩm quyền ký kết các hợp đồng việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, các bên đều thừa nhận bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ. Nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a, điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Bị đơn cũng thừa nhận đã nhận số tiền này từ Ngân hàng, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký, Ngân hàng VPBank đã

nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả được hết nợ gốc, nợ lãi. Đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 447.223.326 đồng; Nợ lãi trong hạn là 15.426.765 đồng, lãi quá hạn là 352.620.928 đồng. Tổng cộng là 815.271.019 đồng (Tám trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười chín đồng). Việc Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng là có thật.

[2.4] Xét việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Công ty T là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký giữa hai bên. Công ty T phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ đã ký kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

[2.5] Ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D là người bảo lãnh cho khoản vay của Công ty T nên trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank, thì ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng mà Công ty T đã ký. Trong trường hợp Công ty T, ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty T, ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D để thu hồi khoản nợ vay.

[2.6] Đối với yêu cầu thanh toán lãi phạt chậm trả của khoản vay, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu buộc Công ty T phải thanh toán khoản tiền này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

[2.7] Về án phí, chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244; khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 463 khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 335, Điều 340, Điều 342, Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát.

1.1. Buộc Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm tính đến ngày xét xử là 815.271.019 đồng (Tám trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười chín đồng), trong đó nợ gốc là 447.223.326 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.426.765 đồng, nợ lãi quá hạn là 352.620.928 đồng.

1.2. Kể từ ngày kể tiếp ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023) Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát tiếp tục phải trả toàn bộ các khoản nợ lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp cho vay theo hạn mức số Hợp đồng cho vay hạn mức số: TBI/20044 ngày 20/3/2020 và các khế ước nhận nợ đã ký cho đến ngày thực tế Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho VPBank

1.3. Trường hợp TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank, buộc ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng mà Công ty T đã ký, không yêu cầu thanh toán tiền phạt chậm trả. Trong trường hợp Công ty T, ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty T, ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D để thu hồi khoản nợ vay.

1.4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng VPBank về việc buộc Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi đến ngày 23/3/2023 là 61.410.214 đồng và tiền phạt chậm lãi trả kể từ ngày tiếp theo cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

2. Về án phí: Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu T phải chịu 36.458.000 (Ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn) đồng (đã làm tròn) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 17.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, biên lai thu số: 0001352 ngày 13/02/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Tâm Minh Phát có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2023). Ông Trần Văn Đ, bà Phan Thị

D có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Thu Hiền